

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 172/2026/HNGĐ-ST

Ngày 24-6-2026

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Tĩnh

Ông Phạm Văn Sóng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thế Duyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng xét xử công khai vụ án sơ thẩm thụ lý số 151/2026/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2026 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 155/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1981; căn cước công dân số: 036181004293; nơi đăng ký thường trú: Tổ dân phố 2, phường Nam Triệu, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Tổ dân phố 7, phường Hoà Bình, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1982; căn cước công dân số: 031082015153; nơi cư trú: Tổ dân phố 2, phường Nam Triệu, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nộp tại Tòa án ngày 03 tháng 3 năm 2026 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

Chị Trần Thị H kết hôn với anh Phạm Văn T trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tam Hưng, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng nay là phường Nam Triệu, thành phố Hải Phòng ngày 21/4/2022. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận hạnh phúc đến năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hoà hợp, cuộc sống chung không thống nhất, vợ chồng thường xảy ra cãi vã lẫn nhau. Do mâu thuẫn chị H và anh T đã sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau. Nay chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Văn T. Chị và anh Phạm Văn T không có con chung và tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại Bản tự khai ngày 07 tháng 5 năm 2026, bị đơn anh Phạm Văn T trình bày:

Anh T kết hôn với chị Trần Thị H trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tam Hưng, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng vào năm 2022, đến năm 2025 thì xảy ra mâu thuẫn và vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay. Anh T đồng ý ly hôn chị H. Anh và chị H không có con chung, không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do bận công việc nên anh T đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Phạm Văn T. Về con chung và tài sản chung các đương sự không yêu cầu nên Kiểm sát viên không đề cập giải quyết. Chị Trần Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập gồm: Giấy chứng nhận kết hôn, bản sao căn cước công dân; Bản tự khai; Biên bản xác minh tại chính quyền địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Phạm Văn T có nơi cư trú tại phường Nam Triệu, thành phố Hải Phòng. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Phạm Văn T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Phạm Văn T.

[2] Về hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Phạm Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tam Hưng, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng nay là phường Nam Triệu, thành phố Hải Phòng vào ngày 21/4/2022 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo tài liệu xác minh tại địa phương và lời khai của các đương sự thể hiện nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hoà hợp, cuộc sống chung vợ chồng không thống nhất. Mâu thuẫn vợ chồng chị H và anh T đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm gì đến nhau. Nay chị H xin ly hôn, anh T đồng ý vì tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ. Điều này thể hiện quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị H và anh Phạm Văn T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Phạm Văn T.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị H và anh Phạm Văn T không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị Trần Thị H và anh Phạm Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Trần Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Phạm Văn T
2. Về con chung: Chị Trần Thị H và anh Phạm Văn T không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
3. Về tài sản chung: Chị Trần Thị H và anh Phạm Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.
4. Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004092 ngày 10 tháng 4 năm 2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Trần Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.
5. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tổng đạt hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND khu vực 1 - Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 1 - Hải Phòng;
- UBND phường Nam Triệu, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hà

